

**TEACHERS' PERSPECTIVES
ON THE IMPLEMENTATION
OF THE SYNCHRONOUS ENGLISH
PROGRAM AT HO CHI MINH CITY
OPEN UNIVERSITY**

Bui Thi Thuc Quyen and Le Phuong Thao*
*Faculty of Foreign Languages, Ho Chi Minh City
Open University, Ho Chi Minh city, Vietnam*

*Corresponding author Le Phuong Thao,
e-mail: thao.lp@ou.edu.com

Received February 13, 2024.

Revised March 2, 2024.

Accepted April 4, 2024.

Abstract. This study investigates lecturers' opinions on the non-major English program level A, which is currently being implemented in a synchronous online mode at Ho Chi Minh City Open University. A survey was conducted with the participation of lecturers who teach online for the program. Quantitative data were collected through questionnaires with the participation of all 23 lecturers, and qualitative data were obtained through interviews with 10 lecturers. The findings show that the lecturers believe that the program has prepared students quite well for the course and that both lecturers and students have the capacity and conditions to participate in this type of program. However, they still face various difficulties when teaching Speaking and Pronunciation skills as well as classroom management. These difficulties are due to the nature of synchronous online teaching, poor internet connection from students, technical issues, and most notably, some students' attitudes that are not suitable for online learning. The lecturers also contributed some opinions on the regulations of the university on students' behavior and exams for non-major English classes in synchronous online mode. Based on the above results, we propose some solutions to improve the effectiveness of the program.

Keywords: online teaching and learning, synchronous online, non-major English, university.

**QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN
VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG
TRÌNH TIẾNG ANH TRỰC TUYẾN
ĐỒNG BỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
TP. HỒ CHÍ MINH**

Bùi Thị Thục Quyên và Lê Phương Thảo*
*Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Mở Thành phố
Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Lê Phương Thảo,
e-mail: thao.lp@ou.edu.com

Ngày nhận bài: 13/2/2024.

Ngày sửa bài: 2/3/2024.

Ngày nhận đăng: 4/4/2024.

Tóm tắt. Nghiên cứu này tìm hiểu nhận định của giảng viên về việc triển khai chương trình tiếng Anh không chuyên trình độ A dưới hình thức trực tuyến đồng bộ tại trường Đại học Mở Tp.HCM. Phương pháp nghiên cứu là điều tra với sự tham gia của các giảng viên tham gia giảng dạy trực tuyến cho chương trình. Dữ liệu định lượng được thu thập qua phiếu điều tra với sự tham gia của tất cả 23 giảng viên và dữ liệu định tính có được qua phỏng vấn 10 giảng viên. Kết quả phân tích cho thấy giảng viên cho rằng chương trình có những chuẩn bị khá tốt cho sinh viên tham gia khóa học, giảng viên và sinh viên có đủ năng lực và điều kiện để tham gia loại hình. Bên cạnh đó, giảng viên nêu ra những khó khăn liên quan đến việc dạy và học kỹ năng Nói và phát âm cũng như quản lý lớp. Các khó khăn này là do bản chất của hình thức dạy học trực tuyến đồng bộ, do đường truyền từ phía sinh viên, do kỹ thuật, nổi bật là do ý thức học tập của một số sinh viên chưa phù hợp với học trực tuyến. Giảng viên cũng đóng góp một số ý kiến về quy định và thi cử cho các lớp tiếng Anh không chuyên dạng trực tuyến đồng bộ. Từ các kết quả trên, chúng tôi đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của chương trình.

Từ khóa: dạy và học trực tuyến, trực tuyến đồng bộ, tiếng Anh không chuyên, cấp độ đại học.

1. Mở đầu

Đạy và học trực tuyến bắt đầu vào những năm 1990, với hình thức tương tác bằng email giữa người dạy và người học. Qua nhiều giai đoạn phát triển, hình thức này đã trở nên phổ biến trong những năm gần đây nhất là sau đại dịch COVID-19, không chỉ tạo điều kiện cho người học tiếp cận giáo dục dễ dàng hơn mà còn mở ra nhiều phương pháp giảng dạy và học tập mới mẻ, mang đến nhiều lợi ích cho cả học viên và giảng viên [1]. Khác với dạng giáo dục truyền thống, dạy và học trực tuyến dựa vào đường truyền internet. Các loại hình giảng dạy phổ biến bao gồm khóa dạy và học trực tuyến không đồng bộ (asynchronous online courses), khóa dạy và học trực tuyến đồng bộ (synchronous online courses). Dạy và học không đồng bộ là hình thức dạy và học cho phép học viên học theo tốc độ riêng, theo thời gian và địa điểm thuận tiện mà không cần phải đến lớp. Các tương tác giữa người học và người dạy được thực hiện trên nền tảng moodle hoặc LMS, và người gửi thông tin sẽ phải đợi một thời gian trước khi nhận được phản hồi từ phía còn lại. Khác với dạy và học không đồng bộ, hình thức dạy và học trực tuyến đồng bộ cho phép giáo viên và học viên tương tác trực tiếp cùng lúc thông qua các nền tảng giao tiếp trực tuyến như Zoom, Google Meet, MS Teams... Giáo viên và học viên không cần đến lớp nhưng vẫn tương tác với nhau trực tiếp trong cùng một thời điểm như lớp học truyền thống [2, 3]. Ở một số nơi, các khóa học cũng được xây dựng dưới dạng kết hợp đồng bộ và không đồng bộ với nhiều phiên bản có thể bao gồm cả một số giờ trực tiếp đi cùng với dạy và học trực tuyến. Sự kết hợp này giúp tối ưu hiệu quả học tập. Với hình thức kết hợp, sinh viên có thể sử dụng bài giảng được ghi hình (không đồng bộ) để cung cấp kiến thức nền tảng và sau đó tham gia các buổi gặp mặt thảo luận trực tiếp (đồng bộ) để được giáo viên củng cố kiến thức và giải đáp thắc mắc [3, 4].

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chứng minh hiệu quả của lớp học trực tuyến trong việc dạy các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Các nghiên cứu của Nappu, Dewi và Hamid [5], Shamsudin và Nesi [6] và Nuryanto [7] cho thấy loại hình này đưa lại những kết quả khả quan. Đặc biệt khả năng tiếp nhận phản hồi và giao tiếp trong môi trường học trực tuyến đồng bộ được đánh giá cao. Khi học trực tuyến đồng bộ, người học không cảm thấy đơn độc như khi tham gia học không đồng bộ mà họ sẽ có cảm giác là mình đang tham dự, được nhận sự hỗ trợ cũng như sự kết nối với giáo viên, bạn cùng lớp như trong các lớp học trực tiếp [8]. Hơn nữa, học viên phản xạ nhanh hơn, tham gia hoạt động học tập tích cực hơn bởi được các tương tác được thực hiện trực tiếp [2-4], [9]. Các yếu tố này thể hiện tính ưu việt của việc áp dụng hình thức trực tuyến đồng bộ để dạy các kỹ năng ngoại ngữ. Hơn nữa, với hình thức này, các cơ sở đào tạo cũng có thể giảm tải nhu cầu sử dụng cơ sở vật chất và áp lực về phòng ốc phục vụ cho chương trình.

Tuy việc dạy và học trực tuyến đã xuất hiện và được dự báo là thị trường tiềm năng tại Việt Nam với việc sẵn sàng sử dụng thiết bị di động của người học [10], nhưng vẫn còn nhiều trở ngại cần giải quyết để thay đổi quan điểm và thực hành. Việc áp dụng loại hình trực tuyến đồng bộ cho các lớp tiếng Anh không chuyên cấp độ cơ bản cũng không là ngoại lệ. Qua dự giờ sơ bộ các lớp học tiếng Anh trực tuyến đồng bộ, chúng tôi nhận thấy một số giảng viên sử dụng kỹ thuật hỗ trợ giảng dạy rất tốt. Họ biết vận dụng các ứng dụng như Jamboard, Kahoot, Patlet, Google Docs... để tạo không gian học tập và quản lý lớp hiệu quả cũng như tạo không khí sôi động cho lớp học. Tuy nhiên, nhiều giảng viên giảng chưa thật sự lôi cuốn sinh viên tham gia giờ giảng. Sinh viên không thực sự tham gia phần thảo luận, làm bài tập khi được chia nhóm vì không có sự có mặt của giảng viên trong phòng (breakout room) trong khi giảng viên không thể vào từng phòng để nhắc nhở, theo dõi và góp ý sinh viên vì nhiều lý do như thời gian không cho phép.

Nhằm có những thông tin chính xác và cần thiết để bảo đảm chương trình được vận hành tốt, việc lấy ý kiến của các bên liên quan là một yêu cầu. Theo các báo cáo ghi nhận, đây là nghiên cứu đầu tiên được thực hiện để tìm hiểu của giảng viên về tình hình triển khai dạy và học của loại hình này tại trường để có những điều chỉnh phù hợp, nâng cao hiệu quả của chương trình. Hơn nữa, với xu thế phát triển của dạy và học trực tuyến, kết quả tìm thấy cũng có thể rút ra bài học kinh nghiệm hữu ích các chương trình khác trong và ngoài trường khi muốn áp dụng hình thức dạy và học này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thông tin về chương trình tiếng Anh trực tuyến đồng bộ tại nơi nghiên cứu

Như đã nói ở trên, tại nơi nghiên cứu được thực hiện, hình thức dạy học trực tuyến đồng bộ được lựa chọn để giảng dạy 5 học phần tiếng Anh không chuyên trình độ căn bản của nhà trường (cấp độ A1 - A2). Các học phần này nhằm củng cố và xây dựng nền tảng cho các môn tiếng Anh chính khóa cấp độ B1 (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) được dạy trực tiếp. Các lớp tiếng Anh không chuyên trình độ căn bản học 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo dạng kết hợp (integrated skills). Sinh viên và giảng viên làm việc với nhau qua MS Teams được tích hợp trong hệ thống quản lý thông tin của trường (LMS) hoặc giảng viên có thể tùy chọn Zoom hoặc Google Meet để giảng và mỗi buổi học kéo dài 4,5 tiết (tương đương 270 phút). Ngoài cách tổ chức các hoạt động dạy và học khác nhau, các học phần có mục tiêu, chuẩn đầu ra, số lượng bài giảng, thực hành, bài tập, tỉ lệ điểm đánh giá từng phần đều tương tự như một lớp học trực tiếp ở cấp độ B trong trường.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Dạy và học trực tuyến hiệu quả đòi hỏi tính phù hợp của loại hình, các điều kiện về người dạy và người học. Chen và các cộng sự [11] đã chỉ ra rằng dạy và học trực tuyến đòi hỏi tính phù hợp giữa lý thuyết và phương pháp, công cụ truyền đạt, hình thức học tập, và đánh giá. Đặc biệt với các lớp ngôn ngữ, môi trường học tập trực tuyến phải tự nhiên, tạo điều kiện cho học viên tương tác ngôn ngữ có ý nghĩa, không nhàm chán, không sợ sệt, bối rối [12].

Ngoài ra, để tham gia hiệu quả vào hình thức học trực tuyến hiệu quả, học viên cần đáp ứng các điều kiện về môi trường học tập như phải có nơi học tập yên tĩnh, đầy đủ thiết bị như máy tính, smartphone, tablet... [7-8], [13] cũng như phải có chất lượng đường truyền Internet ổn định để đảm bảo việc học tập không bị gián đoạn [13], [7-8], [14]. Tương tự như các khóa học trực tiếp, người học phải được cung cấp thông tin về đề cương môn học, thời gian học và thi [15-16]. Họ phải hiểu biết cách sử dụng công nghệ để tham gia khóa học trực tuyến như thao tác đăng nhập, tương tác trong giờ học [15-16]. Họ cần tự giác chủ động vì tương tác trong lớp học trực tuyến phụ thuộc vào ý thức của người học [16-19]. Các kỹ năng khác cần được người học trang bị như kỹ năng quản lý thời gian để sắp xếp thời gian học tập hợp lý, đảm bảo tiến độ học tập [20], tuân thủ nội quy khóa học, cam kết học tập, điều chỉnh hành vi và ứng xử phù hợp [9], tương tác với giáo viên và bạn học bằng việc tham gia thảo luận, đặt câu hỏi, chia sẻ ý kiến [20].

Đối với giáo viên tham gia chương trình, ngoài các tiêu chuẩn cần có để giảng dạy như tại lớp học truyền thống, họ cần trang bị thêm các kỹ năng mới để đáp ứng nhu cầu của môi trường học tập trực tuyến. Cụ thể, giáo viên dạy trực tuyến đồng bộ phải có kịch bản lớp học đồng bộ, sử dụng trình chiếu, các công cụ như chat room, breakout room để giải thích trực tiếp, cho bài tập, câu hỏi thảo luận [12]. Hơn nữa, họ phải có kỹ năng sử dụng công nghệ, biết lựa chọn, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm của các công cụ, phần mềm phù hợp với từng hoạt động giảng dạy [21]; và cao hơn nữa là có thể sử dụng các công nghệ mang dấu ấn cá nhân để thu hút học viên tham gia bài học [16]. Giảng viên giảng trực tuyến đồng bộ phải hiểu được nhu cầu của học viên để điều chỉnh cách dạy, cách truyền đạt trên các nền tảng cuộc họp (conferencing), sử dụng các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ để tăng khả năng giao tiếp và đa dạng hóa phương pháp truyền đạt, thúc đẩy động lực học tập của học viên [20], và việc quan trọng là phải có kỹ năng quản lý lớp học trực tuyến, duy trì tương tác, giải quyết các vấn đề kỹ thuật và hành vi của học viên. Ngoài ra, giáo viên phải có khả năng giao tiếp hiệu quả với học viên qua email, tin nhắn, diễn đàn, v.v. để tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp với học viên. Giáo viên trực tuyến cần ý thức rằng họ cần giao tiếp thường xuyên với học viên vào đầu khóa học, trước buổi học, đầu buổi học và cuối buổi học [15, 8] tạo môi trường học tập tích cực, giúp học viên có cảm giác như đang tham gia lớp học thật [15-16].

Nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam cho thấy giảng viên lo ngại về việc quản lý lớp học trực tuyến vì sinh viên không hồi đáp khi được gọi tên, không mở camera, trang phục không chỉnh tề, không có không gian học tập phù hợp [22], chất lượng đường truyền ảnh hưởng đến mức độ tham gia của học viên [13], [22-24]. Theo ý kiến của các tác giả Nguyen và Tran [25] và Maheshwari [23], chất lượng tương tác giữa người dạy và người học, thiết kế và nội dung môn học là những yếu tố giữ chân học viên trong môi trường trực tuyến. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng giảng viên cần được tập huấn kỹ năng sử dụng nền tảng giao tiếp như Google Meet, Zoom để vận hành lớp học hiệu quả, tăng tính linh hoạt và tương tác.

Các yếu tố trên là thành phần của mô hình nghiên cứu này, bao gồm: điều kiện dạy và học, hiệu quả dạy các thành phần ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm), hiệu quả dạy các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết, hiệu quả quản lý lớp, và hiệu quả tương tác.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thu thập dữ liệu thông qua hai công cụ, phiếu khảo sát và phỏng vấn. Các câu hỏi dựa trên các yếu tố liên quan đã trình bày trên khung lý thuyết là những thành phần dùng để xây dựng phiếu khảo sát. Bảng khảo sát với 16 câu hỏi đạt độ tin cậy Cronbach's alpha 8,84 (cụ thể với 3 nhóm chính lần lượt là 7,41 (*điều kiện dạy và học* với 4 câu hỏi thành phần); 7.70 (*hiệu quả dạy các thành phần ngôn ngữ và kỹ năng* với 7 câu hỏi thành phần; và 6,52 (*tương tác trực tuyến giữa giảng viên và sinh viên* với 5 câu hỏi thành phần). Tuy nhóm *tương tác trực tuyến giữa giảng viên và sinh viên* có giá trị tin cậy hơi thấp nhưng theo Hair và các cộng sự [cũng như xét về số câu hỏi của nhóm, giá trị tin cậy của bảng khảo sát chấp nhận được.

Phỏng vấn được dùng nhằm làm rõ các câu trả lời của giảng viên đã cung cấp qua phiếu điều tra.

Toàn bộ 23 giảng viên tham gia giảng dạy trực tuyến ở các lớp Tiếng Anh không chuyên được mời tham gia trả lời phiếu khảo sát. Sau đó, 10 giảng viên được mời phỏng vấn vì họ chọn hầu hết là đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc có yếu tố khó hiểu.

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua phiếu khảo sát

Bảng 1. Kết quả số liệu khảo sát nhận định của giảng viên về hiệu quả của việc dạy và học trực tuyến đồng bộ các lớp tiếng Anh không chuyên trình độ A

STT	Nội dung	RKĐY	KĐY	KC	ĐY	RĐY	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Điều kiện cơ bản để triển khai môn học (giá trị trung bình: 4,47)								
1	Đường truyền Internet của Thầy/Cô đáp ứng được việc giảng dạy tiếng Anh trực tuyến đồng bộ.	0 0%	0 0%	1 4,3%	11 47,8%	11 47,8%	4,43	0,59
2	Giảng viên được hướng dẫn dùng ứng dụng học/hợp trực tuyến và LMS bằng tài liệu gửi qua email trước khi tham gia khóa học.	0 0%	1 4,3%	1 4,3%	9 39,1%	12 52,2%	4,39	0,78
3	Đề cương môn học trình bày đầy đủ các thông tin về phương pháp học tập và hình thức học tập trực tuyến của bộ môn.	0 0%	1 4,3%	0 0%	9 39,1%	13 56,5%	4,48	0,73

Quan điểm của giảng viên về việc thực hiện chương trình Tiếng Anh trực tuyến đồng bộ...

4	Thầy/Cô cùng SV làm việc về các quy định học trực tuyến trước khi tiến hành khóa học	0 0%	0 0%	2 8,7%	6 26,1%	15 65,2%	4,57	0,66
Hiệu quả dạy bình diện ngôn ngữ và 4 kỹ năng (giá trị trung bình: 3,7)								
5	Thầy/Cô đánh giá việc dạy từ vựng qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	0 0%	3 13 %	15 65,2 %	5 21,7%	4,09	0,60
6	Thầy/Cô đánh giá việc dạy ngữ pháp qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	0 0%	5 21,7%	13 56,5 %	5 21,7%	4,00	0,67
7	Thầy/Cô đánh giá việc dạy phát âm qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	4 17,4%	10 43,5%	7 30,4%	2 8,7%	3,30	0,80
8	Thầy/Cô đánh giá việc dạy kỹ năng Nghe qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	3 13%	4 17,4%	12 52,2%	4 17,4%	3,74	0,92
9	Thầy/Cô đánh giá việc dạy kỹ năng Nói qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	7 30,4%	3 13%	13 56,5 %	0 0%	3,26	0,92
10	Thầy/Cô đánh giá việc dạy kỹ năng Đọc qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	0 0%	8 34,8%	12 52,2%	3 13%	3,78	0,67
11	Thầy/Cô đánh giá việc dạy kỹ năng Viết qua ứng dụng học/hộp trực tuyến là có hiệu quả.	0 0%	1 4,3%	8 34,8%	11 47,8%	3 13%	3,70	0,76
Tương tác trong lớp học trực tuyến giữa giảng viên và sinh viên (giá trị trung bình: 4,11)								
12	Thầy/Cô dễ quản lý lớp học khi dạy trực tuyến	1 4,3%	4 17,4%	10 43,5%	7 30,4%	1 3,4%	3,13	0,92
13	Thầy/Cô có tương tác thường xuyên với sinh viên.	0 0%	1 4,3%	1 4,3%	9 39,1%	12 52,2%	4,39	0,78
14	Thầy/Cô có thiết lập các hoạt động học tập tương ứng với nội dung bài học.	0 0%	1 4,3%	2 8,7%	10 43,5%	10 43,5%	4,26	0,81
15	Thầy/Cô có phản hồi đúng lúc cho SV.	0 0%	0 0%	0 0%	11 47,8%	12 52,2%	4,52	0,51
16	Thầy/Cô có sử dụng các trang web, phần mềm khác nhau để giảng dạy.	0 0%	2 8,7%	1 4,3%	9 39,1%	11 47,8%	4,26	0,92
Valid N (listwise)								

Ghi chú: RKĐY: Rất không đồng ý; KĐY: Không đồng ý;

KC: không chắc; ĐY: Đồng ý; RĐY: Rất đồng ý;

Theo ý kiến của giảng viên, nhìn chung chương trình được thực hiện khá tốt (với giá trị trung bình 4,09). Công tác chuẩn bị để triển khai khóa học được đánh giá cao với các giá trị trung bình từ 4,26 đến 4,57. Về thực hiện tương tác trong lớp học trực tuyến (giá trị trung bình 4,11), giảng viên báo cáo phản hồi đúng lúc với giá trị trung bình là 4,26 đến 4,52, tương tác thường xuyên là

4,39, triển khai các hoạt động và sử dụng các trang web trong giảng dạy là 4,26. Tuy nhiên, họ phản ánh vẫn còn gặp khó khăn về quản lý lớp học (giá trị trung bình chỉ đạt mức trung bình khá là 3,13 với 34,9% ý kiến đồng ý là lớp dễ quản lý, 21,7% không đồng ý và 43,5% không xác định).

Tuy nhiên, giảng viên đánh giá hiệu quả giảng dạy ở các nội dung dạy 4 kỹ năng và các bình diện ngôn ngữ khác nhau chỉ ở mức độ khá (giá trị trung bình 3,7). Cụ thể, việc giảng dạy 2 bình diện ngôn ngữ là từ vựng (giá trị trung bình là 4,09) và ngữ pháp (giá trị trung bình là 4,00) được đánh giá là khá suôn sẻ. Giảng dạy kỹ năng Nghe, Đọc và Viết có giá trị trung bình thấp hơn, thể hiện lần lượt là 3,74, 3,78, và 3,7. Vấn đề cần lưu ý là hiệu quả dạy và học kỹ năng Nói và phát âm có giá trị trung bình khá thấp lần lượt là 3,26 và 3,30. Dạy phát âm chỉ có khoảng trên dưới 39,1% ý kiến đồng ý là có hiệu quả, 17,5% không đồng ý và 43,5% không xác định rằng việc dạy trực tuyến là có hiệu quả. Số đồng ý cho hiệu quả giảng dạy kỹ năng Nói 56,5%, không đồng ý là 30,4% và không xác định là 13%.

Ở các câu hỏi phụ của phiếu điều tra, tình hình sử dụng công nghệ của giảng viên là khá quan. Ngoài 4 giảng viên tự xếp loại khả năng sử dụng công nghệ/phần mềm ở trình độ cơ bản, đa số giảng viên báo cáo là họ là người sử dụng thành thạo, biết cách sử dụng một cách sáng tạo các công nghệ và phần mềm trong giảng dạy. 100% giảng viên xác nhận thiết kế LMS thỏa mãn mức độ cơ bản mà trường yêu cầu ví dụ như thông tin giảng viên, đề cương môn học, video các buổi đã học, nội dung môn học các buổi, thông báo nộp bài viết và chấm/lưu điểm, công bố điểm quá trình.

2.4.2. Kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua phỏng vấn giảng viên

Phỏng vấn giảng viên nhằm tìm hiểu thêm về lý do họ đưa ra các câu trả lời phiếu khảo sát, mở rộng thêm thông tin về các khó khăn và nỗ lực của giảng viên khi tham gia giảng dạy chương trình tiếng Anh không chuyên trực tuyến đồng bộ. Các giảng viên đều công nhận hình thức dạy và học này tiết kiệm thời gian di chuyển. Một số giảng viên cũng chia sẻ là sinh viên mạnh dạn hơn khi tiếp cận giảng viên, tiếp xúc với giảng viên thường xuyên hơn và không e ngại khi trả lời sai. Tuy nhiên, nhiều vấn đề được nêu qua phỏng vấn, giúp giải thích các số liệu thu được từ phiếu khảo sát.

Các lựa chọn của giảng viên khi trả lời phiếu khảo sát chỉ ra các vấn đề về quản lý lớp học, tương tác giữa thầy và trò, và hiệu quả việc dạy và học kỹ năng nói và phát âm. Qua phỏng vấn họ chia sẻ các khó khăn trên xuất phát từ các nguyên nhân sau.

Thứ nhất, do bản chất của việc dạy trực tuyến đồng bộ họ không thể nào quan sát được sinh viên như khi dạy truyền thống nên sinh viên khó tránh khỏi các tác động của môi trường bên ngoài.

“Thực sự là không thể biết các bạn làm gì khi đang học vì không thể yêu cầu tắt cả các bạn mở camera vì có nhiều lý do như đường truyền, hoàn cảnh xung quanh ...”(GV3)

“Như em đã nói, mình không biết các bạn có tham gia học nghiêm túc hay làm việc khác vì sv có nhiều lý do khi mình dọa ghi nghỉ học; nào là mạng yếu, đi vệ sinh, ra lấy hàng... Mà kêu mở camera thì không mở.” (GV5)

“... cách nhau cái màn hình nên không biết sinh viên đang tự nói hay đang đọc cái mà các em soạn hay search trên mạng nên mình không kiểm soát được hoàn cảnh xung quanh các bạn nên đánh giá của mình không chính xác được.” (GV6)

Thứ hai, theo giảng viên khi có sự cố đường truyền, sinh viên không nghe rõ yêu cầu của giảng viên và giảng viên cũng khó theo dõi sinh viên hoặc kiểm tra, chỉnh sửa cho sinh viên khi dạy kỹ năng nói hay phát âm. Chất lượng đường truyền cũng ảnh hưởng đến quản lý lớp học, tương tác giữa giảng viên và sinh viên cũng như sinh viên với sinh viên.

“Đang nói thì bị vắng ra hay lag nên gián đoạn làm sv phiền. Chia breakout room sinh viên dễ vắng ra khỏi nhóm, vào lại mất thời gian, gián đoạn...” (GV1)

“Dạy phát âm phải share màn hình để thấy khẩu hình, nhưng mạng không tốt thì không thấy rõ. Rồi không biết tại nó quan tâm không?” (GV2)

“Sinh viên nói thì mạng lag nên không nghe rõ lời,” (GV3)

“Mạng lag là các bạn nghe câu được câu mất, không nắm rõ bài, chán không thèm nói.” (GV7)

Thứ ba, kỹ năng sử dụng công nghệ của sinh viên và giảng viên cùng với độ thân thiện của nền tảng giao tiếp trực tuyến cũng là lý do cho các khó khăn giảng viên và sinh viên gặp phải.

“SV không rành kỹ thuật bị ảnh hưởng như mất chức năng loa hay microphone...” (GV1)

“Ra vào phòng [breakout room] mất thời gian, chưa vào hết các phòng thì hết giờ, thấy kết quả giảng dạy không như ý.” (GV7)

“Giáo viên phải hướng dẫn sinh viên kỹ thao tác dùng nền tảng conferencing [như zoom], giúp các bạn check tất cả các chức năng nghe, nhìn, tương tác, cách dùng các apps khác khi theo học... trước khi khóa học bắt đầu.” (GV9)

Khó khăn từ phía các phần mềm kỹ thuật được kể đến như:

“MS team [giảng viên] khó thao tác. Kết nối không tốt, các bạn sẽ nghe không rõ, làm bài không được, ức chế.” (GV6)

“Cách dùng MS team khá phức tạp, sinh viên cũng khó ra vào lớp, mạng dễ lag. Kỹ thuật không ổn thì việc dạy học bị ảnh hưởng lớn.” (GV7)

Thứ tư, theo ý kiến giảng viên khó khăn lớn nhất trong dạy và học online là thái độ hợp tác, ý thức học tập không phù hợp của sinh viên sẽ dẫn đến việc các em không toàn tâm vào việc học, học không có hiệu quả, thậm chí bỏ học.

“[SV thường] thụ động. Sau khi giải thích yêu cầu xong thì các bạn im lặng. Chia phòng khó quản lý và các bạn không có hứng thú tương tác như học trực tiếp. ... Rồi không biết tại nó quan tâm không?” (GV2)

“SV tìm mọi lý do để tránh nói, gọi tới thì bảo lag, hư mic, không có mic khi trả lời thì các bạn không mở camera nên cũng chưa biết chắc là các bạn nói hay là cầm giấy đọc. Khi thi oral thì các bạn hay tìm mọi cách đọc các câu soạn sẵn.” (GV5)

“[Sinh viên] hay làm việc riêng, treo mic, thờ ơ, có nhiều lý do để không tương tác như đi lấy đồ, đi vệ sinh... phải réo gọi nhiều lần. Nói chung ý thức các bạn rất quan trọng, nếu không thì không thể học tốt.” (GV2)

“Triển khai dạy thì OK, nhưng sv lật tapescript ra trả lời câu hỏi và gv không thể kiểm soát được. Em có đổi câu hỏi nhưng không ăn thua. Chủ yếu là thuyết phục các em có ý thức khi học thôi. Tình hình cải thiện đến đâu thì không kiểm soát được, vì các em không mở camera. Mà mở camera thì mạng dễ lag. Không thể khắc phục được.” (GV4)

Nghiêm trọng hơn là vì không có ý thức đúng đắn, sinh viên rất dễ có hành vi không trung thực, thậm chí gian lận trong kiểm tra, thi cử.

“SV dùng chat GPT nộp bài viết. Mà em không thể minh chứng rằng các bạn gian lận. Biện pháp duy nhất là khuyến khích các bạn tự viết để có thực lực.” (GV1)

“Vấn đề gian lận trong thi cử cao. Bài viết (copy hoặc dùng chat GPT). Thi vấn đáp chưa bảo đảm.” (GV3)

“Không tự nguyện xung phong, gọi tới còn treo mic, khi trả lời thì các bạn không mở camera nên cũng chưa biết chắc là các bạn nói hay là cầm giấy đọc. Khi thi oral thì các bạn hay tìm mọi cách đọc các câu soạn sẵn.” (GV4)

Kết quả phân tích dữ liệu phỏng vấn cũng cho thấy giảng viên chủ động giải quyết các vấn đề trong khả năng của mình.

Nỗ lực đầu tiên là họ trực tiếp hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên thao tác kỹ thuật.

“...Phải hướng dẫn sinh viên kỹ thao tác dùng nền tảng conferencing (zoom), giúp các bạn check tất cả các chức năng nghe, nhìn, tương tác, cách dùng các apps khác khi theo học... trước khi khóa học bắt đầu. Sinh viên có out ra hay bị trục trặc cũng tự xoay sở được” (GV10)

Để điều chỉnh thái độ, nâng cao tinh thần học tập của sinh viên, giảng viên thực hiện:

Cách khắc phục thứ hai là họ cố gắng tăng cường liên lạc, tương tác với sinh viên qua nhiều phương thức.

“... em mở thêm kênh zalo để các bạn tương tác nếu như bị mất các chức năng trên.” (GV1)

“... Thế nên em phải gọi thường xuyên các bạn để trả lời, dùng các apps để kiểm tra hết xem các bạn có đang làm bài không ví dụ dùng padlet, chatbox dạy viết, Kahoot dạy đọc để giữ các bạn tương tác thường xuyên và làm không khí lớp học thay đổi sinh động.” (GV3)

“Em khắc phục bằng cách qui định gọi 3 lần không đáp là ghi vắng. Gọi tên các bạn theo danh sách để các bạn không làm việc riêng.” (GV6)

“...Em gọi tên các bạn trả lời chứ không chờ được giờ tay.” (GV7)

...[Em] có quy định lớp học trước khi học nhưng không ăn thua với các bạn nếu như họ không thích tham gia. ... thuyết phục và động viên là chính.” (GV10)

Cách khắc phục thứ ba là thực thi sự công bằng, khuyến khích tính trung thực khi sinh viên tham gia kiểm tra/thi cử.

“SV dùng chat GPT nộp bài viết. Mà em không thể minh chứng rằng các bạn gian lận. Biện pháp duy nhất là khuyến khích các bạn tự viết để có thực lực.” (GV1)

“SV gian lận trong kỹ năng Viết, copy bài trên mạng, dùng chat GPT... Em ra qui định và thực hiện luôn khi cho 0 cho các bài có yếu tố trên. Tình trạng này giảm hẳn.” (GV3)

Nỗ lực quan trọng nhất mà giảng viên chia sẻ là họ ý thức được rằng khi làm chủ và vận dụng đúng các phương tiện kỹ thuật thì họ sẽ giảng lưu loát và sinh động hơn, và đương nhiên hiệu quả dạy và học cũng như tương tác trong lớp học cao hơn.

“... sử dụng nhiều phần mềm khác nhau để lớp sinh động hơn” (GV3).

“...làm chủ thao tác kỹ thuật để thực hiện bài giảng. Dùng các apps hỗ trợ khác để làm bài học phong phú và tăng quản lý việc học của sv. Dùng chatbox, Padlet dạy viết, Kahoot dạy từ vựng, ngữ pháp đọc hiểu (GV8)

“... làm lớp học hấp dẫn để sinh viên theo dõi. Sinh viên được hỗ trợ kịp thời sẽ làm tăng mức độ tham gia của sinh viên.” (GV10)

Qua phỏng vấn, giảng viên đề nghị nhà trường hỗ trợ thêm về cách vận dụng các phần mềm quản lý lớp. Ngoài ra, họ cũng mong muốn nhà trường có những nội quy cụ thể về học trực tuyến đồng bộ cho sinh viên để tăng cường ý thức học tập cho các em. Để bảo đảm tính trung thực trong thi cử, giảng viên đề nghị các buổi thi giữa kì nên được tổ chức trực tiếp, thay vì thực hiện trực tuyến (cho kỹ năng Nói) và trên LMS (cho kỹ năng Viết) như hiện nay.

3. Kết luận

Nhìn chung, dữ liệu định lượng từ bảng khảo sát và dữ liệu định tính từ phỏng vấn cho thấy giảng viên đánh giá việc triển khai chương trình là khá hợp lí. Tuy nhiên, chương trình cần lưu ý rằng giảng viên gặp nhiều khăn trong việc quản lý lớp và tương tác trong giờ học, cũng như chất lượng dạy và học, nhất là phát âm và kỹ năng Nói chưa cao. Nghiên cứu chỉ ra rằng các vấn đề này liên quan bản chất của loại hình, đường truyền Internet, khả năng sử dụng kỹ thuật của giảng viên và sinh viên, mức độ thân thiện của các phần mềm kỹ thuật, và ý thức tham gia học tập của sinh viên. Những yếu tố này đã được tìm thấy khi tìm hiểu ý kiến của sinh viên [27].

Nghiên cứu cho thấy giảng viên đã có những động thái tích cực trong khả năng của mình để cải thiện tình hình. Tuy nhiên, đứng trên góc độ quản lý, chúng tôi nhận thấy để đảm bảo chất lượng chương trình, cần có kế hoạch cụ thể tác động đến sinh viên và giảng viên. Theo kết quả nghiên cứu, việc quản lý lớp học, cải thiện hiệu quả dạy và học kỹ năng Nói và phát âm, trung thực trong thi cử và nhất là khả năng lôi cuốn sự tham gia, sự tập trung của sinh viên trong giờ giảng là những vấn đề nổi cộm. Do đó đối với sinh viên, Khoa và giảng viên phụ trách giảng dạy cần

khuyến khích, động viên và chỉ ra tầm quan trọng của việc học tiếng Anh; tìm hiểu các yếu tố tác động nâng cao tinh thần học tập tiếng Anh, ý thức kỉ luật, giúp các em tập trung hơn, tham gia tốt hơn vào bài học; xây dựng các quy định cụ thể về đạo văn và phổ biến cho sinh viên và giảng viên rõ ràng, chi tiết. Cần tổ chức những buổi workshop/video bài giảng bổ sung phần nói và phát âm cho sinh viên.

Đối với giảng viên, để tạo điều kiện cho họ thực hiện trách nhiệm của mình được tốt hơn, cần có những buổi tập huấn liên quan đến mô hình giảng dạy trực tuyến đồng bộ, đẩy mạnh các kênh thông tin chia sẻ kinh nghiệm dạy và dùng các phương tiện kĩ thuật trong dạy trực tuyến đồng bộ, nhất là dạy kĩ năng Nói và phát âm. Giới thiệu các phần mềm, các ứng dụng cho việc quản lí lớp, cũng như cần tăng cường dự giờ góp ý chuyên môn. Cần xem xét tổ chức thi giữa kì trực tiếp thay vì nộp bài lên LMS cho môn viết và phỏng vấn online như hiện nay.

Các nghiên cứu dành cho chương trình mà Khoa cần thực hiện trong thời gian tới là tập trung tìm cách nâng cao ý thức tham gia bài giảng của sinh viên trong khi học trực tuyến đồng bộ. Dựa trên yếu tố này, các kế hoạch cụ thể sẽ được xây dựng, giúp cải tiến chất lượng dạy và học của chương trình tiếng Anh không chuyên trực tuyến đồng bộ tại trường.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh tài trợ trong đề tài mã số T2022.08.2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Frank M, (1997). “Asynchronous learning networks: a Sloan Foundation perspective,” *Journal of Asynchronous Learning Networks*, 1(1), 3-16.
- [2] Stephan H, (2008). “Asynchronous and Synchronous E-learning,” *Educause Quarterly*, Vol. 4, 51-55.
- [3] Ayesha P, (2016). “Synchronous and Asynchronous E-Language Learning: A Case Study of Virtual University of Pakistan”. *Open Praxis*, Vol. 8, No.1. DOI:10.5944/openpraxis.8.1.212.
- [4] Benjamin LM & Kevin MW, (2022). “Blending asynchronous and synchronous digital technologies and instructional approaches to facilitate remote learning”. *J. Comput. Educ*, 9, 51–70. DOI:10.1007/s40692-021-00195-8
- [5] Syamsiarna N, Ratna D, Hasnawaiti & Radiah H, (2022). “The Effect of Online Learning on Academic Writing Course During Covid-19 Pandemic,” *VELES Voice of English Language Education Society*, 6(1). DOI: 10.29408/veles.v6i1.5220
- [6] Sarimah S & Hilary N, (2006). “Computer-mediated communication in English for specific purposes: A case study with computer science students at Universiti Teknologi Malaysia,” *Computer Assisted Language Learning*, 19(4-5), 317-339, Doi:10.1080/09588220601043164
- [7] Muhammad N, (2021). “Fostering Success and Motivating EFL Learners Using Zoom Meeting: A Synchronous Learning Strategy,” *Anglophile Journal*, 1(2), 1-12. DOI: 10.51278/anglophile.v1i2.174
- [8] Yun Jeong P & Curtis JB, (2007). “Synchronous learning experiences: Distance and residential learners’ perspectives in a blended graduate course.”. *Journal of Interactive Online Learning*, 6(3), 245-264.
- [9] Lisa CY, (2014). “Blending Online Asynchronous and Synchronous Learning”. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 15(2), 189–212. DOI: 10.19173/irrodl.v15i2.1778
- [10] VV Loc, NN Vu & VT Linh, (2021). “EFL Students’ Attitudes Towards the Ease of Use Mobile Technology to Learn English at a University in Vietnam”. *Proceedings of the 18th International Conference of the Asia Association of Computer-Assisted Language Learning*, DOI:10.2991/assehr.k.211224.028

- [11] Yen-Tzu C, Che-Hung L & Roman W, (2007). “The Adoption of Synchronous and Asynchronous Media in the Teaching of a Second Language”. *Issues In Information System*, 8, 217-223
- [12] Nian-Shing C, Hsui-Chia K, H., Kinshuk & Taiyu L, (2005). “A Model for Synchronous Learning Using the Internet”. *Innovations in Education and Teaching International*, 42(2), 181-194. DOI: 10.1080/14703290500062599
- [13] DTM Trang, NV Thuyen, HA Quốc,..., Irma K, (2021). “Evaluating Online Learning and Teaching at the University of Technology and Education Ho Chi Minh City During Corona Virus Pandemic”. *Journal of Technical Education Science*, 62, 17-27. DOI: 10.54644/jte.62.2021.58
- [14] LTM Hanh, NVK Long, NT Son & VN Hoa, (2023). Factors affecting learner’s satisfaction towards online learning during COVID-19 pandemic: A case study of Vietnam”. *International Journal of Evaluation and Research in Education*, 12(1), 274-283. DOI: 10.11591/ijere.v12i1.23539
- [15] Eric A, (2015). “Enhancing the online class: Effective use of synchronous interactive online instruction,” *Journal of Instructional Pedagogies*, 17, 1-6.
- [16] Ursula S, Regine H & Martine E, (2020). “A developmental framework for online language teaching skills,” *Australian Journal of Applied Linguistics*, 3(1), 133-151.
- [17] Wallace H, (2002). “Web-based training: advantages and limitations,” in *Web-based training*, B. H. Khan, Ed. Englewood Cliffs, NJ: Educational Technology Publications, 13–20.
- [18] Kara M & Kristy BF, (2008). “Students' Role in Distance Learning,” in *Opening Doors through Distance Language Education: Principles, Perspectives, and Practices*, S. Goertler & P. Winke, Eds. San Marcos, TX: CALICO, 43-66.
- [19] TC Thanh, VL Anh, NM Phuong, HNN Y & VTL Anh, (2024). “Factors Influencing University Student Satisfaction with Online Learning in Vietnam”. *VNU Journal of Science: Education Research, special issue*. Doi: 10.25073/2588-1159/vnuer.4862
- [20] Scott M & Phil S, (2015). “Benefits of Synchronous Online Courses”. *2015 ASCUE Proceedings*, pp.41-48.
- [21] Lily KLC, (2009). “Preparing Language Teachers to Teach Language Online: A Look at Skills, Roles, and Responsibilities”. *Computer Assisted Language Learning*, 22(1), 73-99.
- [22] TV Thanh, NT Huong, NT Nhi, & LV Vinh, (2021). “The Opinion of Lecturers in Universities on Online Learning in the Context of the Covid-19 Pandemic: a Case Study in Vietnam”. *Palarch's Journal of Archaeology of Egypt/Egyptology*, 18(9), 1515-1525. DOI:10.20448/jeelr.v10i3.4885
- [23] Maheshwari G, (2021). “Factors affecting students’ intentions to undertake online learning: an empirical study in Vietnam”. *Education and Information Technologies*, 26(6), 6629–6649. DOI: 10.1007/s10639-021-10465-8
- [24] PLH Nhung, BN Trần và ĐC Thành, (2023). “Các nhân tố tác động đến hiệu quả học trực tuyến của sinh viên Trường Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 59(3c), 161-171. DOI: 10.22144/ctu.jvn.2023.144
- [25] NT Nga & TTT Huong, (2022). “Factors Affecting Students’ Desire to Take Upcoming Online Courses after E-learning Experience During COVID-19”. *International Journal of Interactive Mobile Technologies (iJIM)*. DOI: 10.3991/ijim.v16i01.26777
- [26] Joseph FHJ, William CB, Barry JB & Rolph EA, (2010). “*Multivariate Data Analysis*”. Pearson Education.
- [27] BTT Quyên và LP Thảo, (2023). “Nhận thức của sinh viên tiếng Anh không chuyên về việc học trực tuyến đồng bộ: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo*, 23(11), 264-269.